

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2022/DS-ST

Ngày: 09 - 12 - 2022

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Nguyễn Trường Hận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 456/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 295/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Phước K, sinh năm 1966; Cư trú: Khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Hùng T, sinh năm 1965; Cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh C. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Phước K trình bày: Vào ngày 04/12/2020 ông có cho ông Phạm Hùng T vay số tiền 155.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn cho vay 01 tháng, đôi bên có làm biên nhận vay tiền. Từ khi vay tiền đến nay, ông T không trả lãi và cũng không trả vốn cho ông mặc dù ông đã đến nhà gặp ông T yêu cầu nhiều lần.

Nay ông yêu cầu ông Phạm Hùng T trả số tiền vốn là 155.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền này.

Đối với bị đơn ông Phạm Hùng T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng ông T không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về các nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bị đơn ông Phạm Hùng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước K đòi bị đơn ông Phạm Hùng T trả vốn số tiền 155.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Biên nhận vay tiền ngày 04/12/2020 (Bút lục 02) thể hiện: “Tôi tên Phạm Hùng T, sinh năm 1965. Số CMND: 381527944. Do Công an tỉnh Cà Mau. Hiện ngụ tại ấp Nhà Máy A. Bằng biên nhận này tôi có vay của Phước Khởi với số tiền 155 triệu, bằng chữ: Một trăm 55 triệu, lãi suất tự thỏa thuận là đúng. Sau thời gian 1 tháng thì việc thế chấp nói trên coi như...Tôi sẽ chịu mọi tổn thất nếu tôi không thực hiện đúng với cam kết nói trên và cam kết này tôi hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc tôi. Ngày 4 tháng 12 năm 2020. Người lập thủ tục vay Phạm Hùng T”.

Như vậy vào ngày 04/12/2020, giữa ông K và ông T đã ký kết hợp đồng vay tài sản. Theo đó, ông K cho ông T vay số tiền 155.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 tháng.

Khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự quy định: “1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
- b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;
- c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội”.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng, cả ông K và ông T đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện khi giao kết hợp đồng. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa đôi bên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tài sản đã ký kết giữa đôi bên, cụ thể chưa trả vốn số tiền 155.000.000 đồng cho ông K nên cần buộc ông T trả cho ông K số tiền này.

Tuy tại hợp đồng vay tài sản, ông K và ông T có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng nay ông K không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về lãi.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K, buộc bị đơn ông T trả cho ông K số tiền 155.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông K được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Theo đó, ông T phải chịu án phí số tiền 7.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 117, các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước K.

Buộc ông Phạm Hùng T trả cho ông Trần Phước K số tiền 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí:

- Ông Phạm Hùng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), chưa nộp.

- Ông Trần Phước K không phải chịu án phí. Ngày 23/8/2022 ông K đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.875.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005336 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Trần Phước K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Phạm Hùng T có quyền kháng cáo đối

với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà